

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HSST

Ngày 30 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH

N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Hồng Vân**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Anh Tấn**

Bà Nguyễn Thị Lâm

- Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Đào Thị Anh Ninh** - Cán bộ TAND huyện Phù Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên toà: Ông **Triệu Khắc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/7/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 12/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Công T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 12/3/1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn C- sinh năm 1952 (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị T1 - sinh năm 1954; Hiện ở khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Chu Thị N1 - Sinh năm: 1976 (Đã chết); Con: Có 01 con, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

2. Nguyễn Công T2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/2/1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn C- sinh năm 1952 (đã chết); Mẹ đẻ: Đỗ Thị T1 - sinh năm 1954; Hiện ở khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Không. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

3. Phùng Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/10/1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phùng Văn C3- sinh năm 1970; Mẹ đẻ: Nguyễn Ngọc H - sinh năm

1972; Hiện đều ở khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

4. Đặng Quốc Đ1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/10/1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Đặng Xuân H1- sinh năm 1954. Hiện không xác định được đang ở đâu. Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1948; Hiện ở khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Sa Thị N2 - Sinh năm 1993; Lao động tự do; Hiện ở khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

5. Bùi Thực Đ2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/08/1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Bùi Quang T5 - sinh năm 1967; Mẹ đẻ: Triệu Thị K - sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thị H1 - Sinh năm: 1993; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Hiện đều ở khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, đã nộp phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

6. Triệu Xuân Đ3; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/8/1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Triệu Thanh T6 - sinh năm 1954 (đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị T7 - sinh năm 1956; Hiện ở khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Hoàng Thị T7 - Sinh năm: 1990; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Hiện đều khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

7. Lê Anh T3; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/5/1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Lê Văn T8 - sinh năm 1964 (đã chết); Mẹ đẻ: Bùi Thị H2 - sinh năm 1970; Hiện ở khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

8. Bùi Đình C1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/6/1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 5, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bố đẻ: Bùi Đình T9 - sinh năm 1973 (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T10 - sinh năm 1976; Hiện ở khu 5, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ, con: Không; Tiền án, tiền

sự: không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

9. Hoàng Hữu C2; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/9/1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu 2, xã G, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Bố đẻ: Hoàng Hữu N3 - sinh năm 1945; Mẹ đẻ: Hà Thị C4 - sinh năm 1947; Hiện ở khu 9, xã P1, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Nguyễn Thị Bích D - Sinh năm: 1977; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã G, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đinh Quang T11 - sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Ngọc X - sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

3. Anh Nguyễn Ngọc T12 - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

NHẬN THẤY

Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 và Hoàng Hữu C2 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 31/12/2018 lần lượt có Bùi Đình C1 - sinh năm 1994, nơi cư trú tại khu 5, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Lê Anh T3 - sinh năm 1992; Triệu Xuân Đ3 - sinh năm 1987; Phùng Văn Đ - sinh năm 1993; Bùi Thực Đ1 - sinh năm 1992 đều có nơi cư trú tại khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Công T2 - sinh năm 1983; Đặng Quốc Đ1 - sinh năm 1986 đều có nơi cư trú tại khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ và Hoàng Hữu C2 - sinh năm 1972, nơi cư trú tại khu 2, xã G, huyện N, tỉnh Phú Thọ đến nhà Nguyễn Công T - sinh năm 1979 thuộc khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ để chơi, rồi cùng rủ nhau đánh bạc. Tất cả đều đồng ý, Nguyễn Công T đem ra bộ bài tú lơ khơ và trải chiếu ra nền gian phòng khách rồi tất cả ngồi xuống chiếu thống nhất đánh bạc với nhau hình thức chơi Liêng, thắng thua bằng tiền cụ thể như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mức ăn thua mỗi ván quy định vào “gà” là 10.000đ (mười nghìn đồng) và chỉ được “tố” cao nhất là 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Thể thức chơi là người cầm bài chia đều cho mỗi người chơi ba quân bài ngẫu nhiên rồi những người chơi đều phải bỏ tiền vào “gà” sau đó lên bài, khi lên bài xong tùy vào bài của mình người chơi có thể theo “tố” (tức bỏ thêm tiền vào gà), ai không theo thì úp bỏ bài và mất tiền đã vào “gà”, những người theo “tố” thì phải bỏ thêm tiền vào “gà” nhưng không được đặt quá 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Sau khi tố xong thì so bài với nhau ai thắng thì được thu tất cả tiền và được chia bài ở ván tiếp theo.

Đánh Liêng là cộng 3 quân bài tính điểm hoặc so Ảnh, so Liêng, so Sáp, nếu tính điểm chỉ tính từ quân A (A là một điểm) tới quân 9, quân 10 tính là 0 điểm, nếu trong 3 quân bài có 1 hoặc 2 quân bài là quân đầu người (từ J tới K) thì không cộng điểm của 1 hay 2 quân này mà chỉ lấy quân bài còn lại (từ A tới 9) để tính điểm (9 điểm là cao nhất, thấp nhất là 0 điểm), nếu trên bài có hai quân đầu người giống nhau xen với một quân đầu người khác chẳng hạn như JJK, QQQ hay KKJ thì được gọi là “Ảnh”, bộ “Ảnh” cao nhất là KKQ (trong đó có K rô), bộ “Ảnh” thấp nhất là JJQ (trong đó không có quân rô hoặc quân cơ) nếu trên bài có ba quân bài nối tiếp nhau chẳng hạn như 2, 3, 4 hoặc 6, 7, 8 hoặc 10, J, Q thì được gọi là Liêng, bộ Liêng cao nhất là Q, K, A (trong đó có A rô), bộ Liêng thấp nhất là A, 2, 3 (trong đó không có quân rô hoặc quân cơ), nếu trên bài có ba quân bài giống nhau chẳng hạn như 3, 3, 3 hoặc 8, 8, 8 thì gọi là “Sáp”, bộ sáp cao nhất là 3 quân A, bộ “Sáp” thấp nhất là 3 quân 2, khi so bài nếu chỉ có điểm thì so điểm nhưng trong trường hợp các bài chỉ có điểm còn có một bài có “Ảnh” hoặc “Liêng” hoặc “Sáp” thì bài có Ảnh, Liêng, Sáp thắng, nếu các bài có Ảnh hoặc Liêng hay Sáp thì so Ảnh, so Liêng, so Sáp nào cao hơn thì thắng và được toàn bộ số tiền ván bạc đó, trường hợp không có ai theo tố, thì người hô tố thắng.

Sau khi thống nhất cách chơi, các đối tượng cùng ngồi đánh bạc từ khoảng 19 giờ đến 21 giờ ngày 31/12/2018 gồm có:

- + Nguyễn Công T có 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Triệu Xuân Đ3 có 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Lê Anh T3 có 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Bùi Đình C1 có 360.000đ (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Phùng Văn Đ có 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Đặng Quốc Đ1 có 560.000đ (năm trăm sáu mươi nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc.

- + Bùi Thực Đ2 có khoảng 1.000.000đ (một triệu đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Nguyễn Công T2 có 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

- + Hoàng Hữu C2 có 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền trên để đánh bạc;

Tổng số tiền của 9 đối tượng đánh bạc là 8.070.000đ (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các đối tượng trên đánh bạc cùng nhau đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày thì có Đinh Quang T11 - sinh năm 1970, Nguyễn Ngọc T12 - sinh năm 1984 và Nguyễn Ngọc X - sinh năm 1980 đều có nơi cư trú tại khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ đến nhà Nguyễn Công T và cùng tham gia đánh bạc, Nguyễn Ngọc T12 có khoảng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), Đinh Quang T11 có 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), và Nguyễn Ngọc X có 1.020.000đ (một triệu không trăm hai mươi nghìn) nhưng bỏ ra

220.000đ (hai trăm hai mươi nghìn đồng) để đánh bạc còn 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) để trong người không chơi. Do T11, Xiêm và Nguyễn Ngọc T12 muốn tham gia đánh bạc và do đông người nên toàn bộ các đối tượng thống nhất chia ra ngồi trên 02 (hai) chiếu bạc riêng để đánh bạc với nhau đều hình thức chơi Liêng, mức chơi như cũ. Chiếu thứ nhất gồm: Nguyễn Công T, Đinh Quang T11, Bùi Đình C1, Lê Anh T3, Triệu Xuân Đ3 và Nguyễn Ngọc T12. Chiếu thứ hai gồm: Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Hoàng Hữu C2, Nguyễn Công T2 và Nguyễn Ngọc X.

Số đối tượng trên đánh bạc cùng nhau đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Phù Ninh phát hiện lập biên bản, tang vật thu giữ trên chiếu bạc thứ nhất gồm: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.530.000đ (bốn triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng); 52 (năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu cói, loại chiếu đôi đã cũ. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc thứ hai gồm: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 4.160.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); 52 (năm mươi hai) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu cói, loại chiếu đôi đã cũ. Kiểm tra trên người các đối tượng tham gia đánh bạc tạm giữ số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) trong đó có 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Đặng Quốc Đ1 khai nhận dùng để đánh bạc nhưng chưa sử dụng đến, 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) là của Nguyễn Ngọc X khai nhận số tiền trên không dùng vào mục đích đánh bạc. Số tiền thu giữ trên hai chiếu bạc là 8.690.000đ (tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của Đặng Quốc Đ1, như vậy xác định tổng số tiền các đối tượng đánh bạc là 9.190.000đ (chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, các bị can khai nhận thời gian đánh bạc từ 19 giờ đến 21 giờ có 8.070.000đ (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn) và từ 21 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 31/12/2018 có thêm Đinh Quang T11, Nguyễn Ngọc T12 và Nguyễn Ngọc X cùng tham gia đánh bạc có 920.000đ (chín trăm hai mươi nghìn). Tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc là 8.990.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi nghìn). Tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh thu giữ 9.190.000đ (chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), nhiều hơn so với tổng số tiền thu được trên chiếu bạc và thu trên người các đối tượng, là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ chứng minh số tiền này là của đối tượng nào, do việc thắng bạc và thua bạc là bao nhiêu ván và số tiền cụ thể.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh - Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 và Hoàng Hữu C2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 và Hoàng Hữu C2n phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị đối với Nguyễn Công T áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS. Đề nghị phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo Phùng Văn Đ, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 BLHS. Đề nghị phạt các bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo Nguyễn Công T2, Đặng Quốc Đ1 áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS. Đề nghị phạt các bị cáo từ 10 đến 13 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Nguyễn Công T, Phùng Văn Đ, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1, Nguyễn Công T2, Đặng Quốc Đ1 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ là nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Về hình phạt bổ sung đề nghị phạt các bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ xung quỹ nhà nước và buộc bị cáo lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 5 ngày trong một tuần.

Đối với bị cáo Hoàng Hữu C2 áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS. Đề nghị phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Hữu C2 cho Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc để giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ xung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ xung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 31/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh bắt tại nhà Nguyễn Công T, sinh năm 1979 thuộc khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ (chủ nhà), cùng Bùi Đình C1, sinh năm 1994, nơi cư trú tại khu 5, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Lê Anh T3, sinh năm 1992, Triệu Xuân Đ3, sinh năm 1987, Phùng Văn Đ, sinh năm 1993, Bùi Thực Đ2, sinh năm 1992 đều có nơi cư trú tại khu 3, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Công T2, sinh năm 1983, Đặng Quốc Đ1, sinh năm 1986 đều có nơi cư trú tại khu 2, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ và Hoàng Hữu C2, sinh năm 1972, nơi cư trú tại khu 2, xã G, huyện N, tỉnh Phú Thọ có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi liêng được thua bằng tiền, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về khoảng thời gian từ 19 giờ đến 21 giờ ngày 31/12/2018. Với số tiền đánh bạc là 8.070.000đ (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn), ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh còn thu giữ 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân

và 02 chiếc chiếu cói đôi đã qua sử dụng và số tiền 9.990.000đ (chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người liên quan; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã bị VKS nhân dân huyện Phù Ninh truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Đặng Quốc Đ1, Lê Anh T3, Hoàng Hữu C2 đều có bố, mẹ được tặng thưởng các huân, huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị can, Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1, Hoàng Hữu C2 đều là người thực hiện. Tất cả các bị cáo cùng nhau khởi xướng đánh bạc, Nguyễn Công T là người đi lấy chiếu, bài. Còn các bị cáo khác tham gia tích cực vào việc đánh bạc. Song không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, phân công, việc thực hiện tội phạm, không có sự bàn bạc, thống nhất, phương thức đánh bạc giản đơn. Như vậy trong vụ án này, vai trò lớn nhất là Nguyễn Công T là cho các đối tượng dùng địa điểm nhà mình, lấy bài và chiếu cho các đối tượng tham gia đánh bạc.

[5] Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và xét hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Do đó khi lượng hình cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Hành vi đánh bạc của Đình Quang T11, Nguyễn Ngọc T12 và Nguyễn Ngọc X tham gia đánh bạc ở thời gian từ 21 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 31/12/2018, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh bắt trên chiếu bạc không đủ định lượng. Do vậy hành vi của T11, X và Nguyễn Ngọc T12 không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, ngoài ra T11, X và Nguyễn Ngọc T12 chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Ninh ra quyết định xử

phạt hành chính theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

[7] Hành vi của bị can Nguyễn Công T (chủ nhà) sử dụng chỗ ở của mình cho Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1, Hoàng Hữu C2, Đinh Quang T11, Nguyễn Ngọc T12 và Nguyễn Ngọc X đánh bạc tại nhà và lấy bộ bài tú lơ khơ và chiếu, để cho các bị can đánh bạc, với hai chiếu bạc và 12 người. Song Nguyễn Công T không thu lời bất chính, không tổ chức đánh bạc, gá bạc, không tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc. Do vậy hành vi của Nguyễn Công T không cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo Điều 322 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.190.000đ (Chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) là tiền do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 02chiếc chiếu cói, loại chiếu đôi đã cũ; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Ngọc X số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) do không liên quan đến việc phạm tội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của các bị cáo Cơ quan điều tra đã xác định và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã tự khai. Đối với Nguyễn Công T, Đặng Quốc Đ1 và Hoàng Hữu C2 đều có tài sản riêng là nhà và đất ở, ngoài tài sản trên thì các bị cáo không còn tài sản nào khác nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Đối với bị cáo T, Đ1 buộc phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Đối với Hoàng Hữu C2 hiện đang làm công nhân tại Trung tâm nghiên cứu phát triển chè thuộc Viện khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, có thu nhập ổn định nên khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Không buộc bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Đối với Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 là những người ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân các bị cáo không có tài sản gì khác có giá trị vì vậy không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[10] Trong quá trình điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tất cả các Quyết định tố tụng trong vụ án đều được lập, giao nhận cho những người tham gia tố tụng theo đúng trình tự mà pháp luật quy định.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 và Hoàng Hữu C2 phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng: khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 , khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T** 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ- ọc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Công T cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Công T nhưng buộc Nguyễn Công T thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công T2** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ- ọc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Công T2 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Công T2 nhưng buộc Nguyễn Công T2 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Quốc Đ1** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ- ọc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đặng Quốc Đ1 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Đặng Quốc Đ1 nhưng buộc Đặng Quốc Đ1 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Lê Anh T3** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ- ọc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Lê Anh T3 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Lê Anh T3 nhưng buộc Lê Anh T3 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao

động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

* Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Phùng Văn Đ** 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phùng Văn Đ cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Phùng Văn Đ nhưng buộc Phùng Văn Đ thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Thục Đ2** 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Thục Đ2 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Bùi Thục Đ2 nhưng buộc Bùi Thục Đ2 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Triệu Xuân Đ3** 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Triệu Xuân Đ3 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Triệu Xuân Đ3 nhưng buộc Triệu Xuân Đ3 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Đình C1** 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Đình C1 cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Bùi Đình C1 nhưng buộc Bùi Đình C1 thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã P thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian

lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

* Áp dụng: khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Hữu C2** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận đ- ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Hữu C2 cho UBND xã G, huyện N, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của Hoàng Hữu C2 mỗi tháng 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng chẵn) để sung công quỹ nhà nước trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về xử lý vật chứng: Khoản 1, 2 điều 47 BLHS năm 2015; khoản 2 điều 106; khoản 2 điều 136, khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.190.000đ (Chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc chiếu cói, loại chiếu đôi đã cũ; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Ngọc X số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Về án phí: áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T2, Phùng Văn Đ, Đặng Quốc Đ1, Bùi Thực Đ2, Triệu Xuân Đ3, Lê Anh T3, Bùi Đình C1 và Hoàng Hữu C2 phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã P; xã G;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân